

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày: 21-6-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hòa

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Nhum

Bà Lê Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 02/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 2 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V; địa chỉ: Lô 2L7, 2L8 đường CN5 và CN6 KCN TB, thị trấn TB, huyện BTY, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc K – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Quang H, sinh năm 1973.

Trú tại: 120, đường 3, phường PB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty TNHH MTV S (Công ty SHF); địa chỉ: Lô A1, khu công nghiệp CT 1, khu phố 2, phường TT, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: A – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Mộng T, sinh năm 1982 và ông Trần Trung C, sinh năm 1991 (bà T vắng mặt, ông C có mặt)

Cùng địa chỉ: Căn nhà HT15, ô F8, F9, khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

\* Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Quang Thục A.P. 7, Quận PN, TP Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật ông Đào Ngọc K và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V (viết tắt là công ty V) – ông Đào Quang H trình bày:***

Ngày 10/08/2021 Công ty TNHH một thành viên S (Công ty SHF) liên hệ với Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V (Công ty V) đề nghị cung cấp thùng carton với lý do nhà cung cấp hiện tại của công ty đang gặp khó khăn vì dịch covid, thời gian cách ly hạn chế đi lại (và có ca nhiễm nên công ty phong tỏa). Thấu hiểu và cảm thông những khó khăn mà công ty (Công ty SHF) đang đối mặt, cùng với sự tương thân tương ái, hỗ trợ nhau trong lúc đại dịch, Công ty V đã đồng ý bán hàng cho Công ty SHF, sản phẩm là bao bì thùng carton loại 3 lớp và loại 5 lớp. Kích thước sản phẩm, số lượng đơn hàng và ngày thanh toán tất cả đều có hiển thị trên bảng báo giá, trên mỗi đơn hàng (với lịch thanh toán là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn). Tuy nhiên sau đó Công ty SHF không thanh toán đúng như trên bảng báo giá hai bên đã xác nhận, công nợ 150 ngày vẫn chưa thanh toán. Công ty chúng tôi vừa tiếp tục cung cấp vừa gây sức ép để thu hồi công nợ, sau đó Công ty SHF đã thanh toán được một phần, vì công nợ quá lâu vẫn chưa trả nên đến 11/06/2022 Công ty V đã không giao hàng (không còn hợp tác) với Công ty SHF. Đến nay số tiền mà Công ty SHF còn nợ Công ty V là: 2.146.514.568 VNĐ (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng) đối với các hóa đơn: hóa đơn số 0000804 ngày 31/3/2022; số 00000083 ngày 28/4/2022; số 00000216 ngày 30/5/2022; số 00000312 ngày 27/6/2022. Vì vậy, Công ty V yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước giải quyết các vấn đề sau:

1) Buộc Công ty SHF thanh toán đầy đủ số tiền còn lại cho Công ty V là 2.146.514.568 VNĐ (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng)

2) Buộc Công ty SHF phải trả tiền lãi suất chậm thanh toán cho Công ty V. Lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng 0.6% / tháng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 27/07/2022 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Đơn khởi kiện (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều lệ (sao y của

công ty); Bảng báo giá (sao y của công ty; Hóa đơn số 0000804 ngày 31/3/2022; số 00000083 ngày 28/4/2022; số 00000216 ngày 30/5/2022; số 00000312 ngày 27/6/2022 (sao y của công ty); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000498 ngày 01/10/2021; số 0000608 ngày 01/12/2021; 0000672 ngày 03/01/2022; số 0000673 ngày 17/01/2022; 0000689 ngày 31/01/2022; 0000748 ngày 02/3/2022; 0000773 ngày 28/3/2022 (phô tô); Bảng đối chiếu công nợ (sao y của công ty); Công văn số 009/CVKHTT-SHF ngày 16/8/2022 (sao y của công ty); Sao kê tài khoản Công ty V từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/11/2022; Bản tự khai (bản chính); Đơn yêu cầu xác minh Tthập tài liệu, chứng cứ (bản chính)

*Quá trình giải quyết vụ án bà Võ Mộng T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty SHF – bà Nguyễn Thị Th H trình bày:*

Bộ phận kế toán vẫn đang trong quá trình rà soát, đối chiếu các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn nhận thấy giữa hai công ty không có ký hợp đồng mua bán, không có hóa đơn giao nhận hàng, bà Trịnh Thị T ký đối chiếu công nợ là không đúng thẩm quyền nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước quyết định:*

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật thương mại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, Tnộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V, buộc Công ty SHF phải trả cho Công ty V số tiền 2.146.514.568 đồng nợ gốc và 90.153.612 đồng nợ lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/3/2023, đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Quang Thục A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa nội dung bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 2.146.514.568 (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng); sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi buộc bị đơn phải trả và án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

\* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Từ tháng 8/2021 đến tháng 6/2022, Công ty SHF và Công ty V thỏa thuận mua bán hàng hóa, trong đó Công ty V là bên cung cấp hàng hóa là thùng carton, sản phẩm là bao bì thùng carton loại 3 lớp và loại 5 lớp. Kích thước sản phẩm, số lượng đơn hàng và ngày thanh toán tất cả đều có hiển thị trên bảng báo giá, trên mỗi đơn hàng (với lịch thanh toán là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn). Công ty V đã thực hiện đầy đủ theo thỏa thuận nhưng Công ty SHF không thanh toán đầy đủ số tiền mua bán đúng như hai bên đã xác nhận và còn nợ Công ty V là 2.146.514.568 (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám) VNĐ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án như Bảng báo giá mua bán, Bản sao kê ngân hàng chứng minh bị đơn Công ty SHF thanh toán tiền mua bán hàng hóa cho nguyên đơn Công ty V và các tài liệu kê khai hóa đơn tại Cơ quan quản lý thuế... có đủ cơ sở để xác định giữa Công ty V và Công ty SHF có thỏa thuận mua bán hàng hóa là các thùng carton. Do tình hình dịch bệnh nên các bên không trực tiếp ký hợp đồng mua bán mà trao đổi, thỏa thuận thông qua các giao dịch điện tử phù hợp với quy định tại Điều 3 và Điều 15 của Luật Thương mại năm 2005 và có căn cứ khẳng định, trong thời gian các bên mua bán hàng hóa, phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền mua hàng theo 4 hóa

đơn giá trị gia tăng gồm: hóa đơn số 0000804 ngày 31/3/2022; hóa đơn số 00000083 ngày 28/4/2022; hóa đơn số 00000216 ngày 30/5/2022; hóa đơn số 00000312 ngày 27/6/2022, với tổng số tiền là 2.146.514.568 (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám) VNĐ. Quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn cho rằng yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn số tiền số tiền là 2.146.514.568 VNĐ là không có căn cứ vì không có hợp đồng mua bán hàng hóa và phía bị đơn đang rà soát lại sổ sách kế toán để xác định lại số nợ cụ thể. Tuy nhiên như trên đã xác định có đủ căn cứ để xác định các bên có thỏa thuận mua bán hàng hóa là thùng carton như nguyên đơn trình bày và cho đến phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được kết quả rà soát kế toán để chứng minh đã thanh toán số tiền mua hàng của nguyên đơn và cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh bà Trịnh Thị L (người đã ký xác nhận công nợ) không phải là người giao nhiệm vụ đối chiếu công nợ của bị đơn với nguyên đơn.

Do vậy, bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 2.146.514.568 (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám) VNĐ là phù hợp.

Về yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,6% tháng. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật thương mại năm 2005 lấy mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 18,6%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam 15,75%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam 9%/năm) để tính lại tiền lãi do chậm thanh toán là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán với mức lãi suất 0,6%/tháng là không vượt mức lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 ngân hàng tại thời điểm xét xử. Do đó cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm đối với bị đơn là đúng quy định. Tuy nhiên, việc tính toán của cấp sơ thẩm không được chính xác nên cần tính lại, cụ thể:  $2.146.514.568 \text{ đồng} \times 0,6\% / \text{tháng} \times 24 \text{ ngày} = 87.577.794 \text{ đồng}$  chứ phải số tiền 90.153.612 đồng như cấp sơ thẩm đã tính, nên cần sửa lại phần này.

[4] Án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Công ty SHF được chấp nhận một phần nên Công ty SHF không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty S (Công ty SHF).

Sửa Bản án kinh doanh thương mại số 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V (Công ty V) buộc Công ty TNHH MTV S (Công ty SHF) phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V số tiền 2.146.514.568 (hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng nợ gốc và 87.577.794 (tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi bốn) đồng tiền lãi. Tổng cộng là: 2.234.092.362 (hai tỷ hai trăm ba mươi bốn không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Công ty TNHH MTV S (Công ty SHF) phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 76.681.847 (bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm bốn mươi bảy) đồng.

Trả lại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ V (Công ty V) số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh Bình Phước theo biên lai Tiền số 0011954 ngày 06/10/2022.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH MTV S (Công ty SHF) không phải chịu. Trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012209 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Tx. CT;
- TAND Tx. CT;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hòa**